

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH LONG
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH LONG, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Rô

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Tuyết

Ông Đinh Muôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tĩnh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đinh Y Lúa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương C, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hồng D, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2021, bản tự khai ngày 21/5/2021, biên bản hòa giải ngày 12/8/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Phương C trình bày:*

Chị Lê Thị Phương C và anh Phạm Hồng D kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Năm 2000, anh D, chị C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau, anh D luôn nhậu nhẹt, uống rượu rồi về hành hạ, đánh đập, chửi bới chị C; anh D không lo làm ăn chăm sóc gia đình, vợ con, nên chị C và anh D thường xuyên xảy ra cãi nhau. Việc mâu thuẫn của hai vợ chồng được hai bên gia đình khuyên giải, nhưng anh D tính nết tật nấy không thay đổi. Chị C và anh D đã ly thân và phân ai nấy sống từ tháng 4/2021 đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lê Thị Phương C yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phạm Hồng D.

Về con chung: Hai vợ chồng có ba con chung là Phạm Thị Hồng L, sinh ngày 10/12/2003, Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/8/2007 và Phạm Lê Hồng H, sinh ngày 01/9/2010. Sau khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung. Chị C không yêu cầu anh Phạm Hồng D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Phương C không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2021, biên bản hòa giải ngày 12/8/2021, bị đơn anh Phạm Hồng D trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh D không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị C, anh D mong muốn chị C quay về đoàn tụ gia đình.

- Về con chung: Anh D trình bày nếu Tòa án giải quyết buộc ly hôn thì anh D đồng ý giao các con chung là Phạm Thị Hồng L, sinh ngày 10/12/2003, Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/8/2007 và Phạm Lê Hồng H, sinh ngày 01/9/2010 cho chị Lê Thị Phương C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba con chung. Anh Phạm Hồng D không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2021, anh D trình bày yêu cầu chị C giao lại giấy tờ nhà, đất và sổ tiết kiệm cho anh D quản lý.

** Tại bản ghi ý kiến ngày 21/5/2021 của các cháu Phạm Thị Hồng L, Phạm Thị Quỳnh N và Phạm Lê Hồng H con chung của anh D, chị C trình bày: Anh D, chị C thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau nên chị C bỏ nhà đi. Nếu chị C, anh D sống ly hôn, thì nguyện vọng các cháu L, N, H muốn ở với chị C.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện Minh Long phát biểu ý kiến về việc trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định tại các điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 48, 68, 97, khoản 1 Điều 203, khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đối với người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các điều 70, 71 Bộ luật tố

tụng dân sự 2015; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại khoản 16, 25 Điều 70, khoản 1 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 21, 28, 35, 39, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Phương C: Chị Lê Thị Phương C được ly hôn anh Phạm Hồng D; về con chung: giao các con chung là Phạm Thị Hồng L, sinh ngày 10/12/2003, Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/8/2007 và Phạm Lê Hồng H, sinh ngày 01/9/2010 cho chị Lê Thị Phương C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba con chung; tài sản chung, nợ chung, chị C, anh D không yêu cầu giải quyết; về án phí: Chị Lê Thị Phương C phải chịu 300.000 đồng về án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị Phương C và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn anh Phạm Hồng D có địa chỉ và đang cư trú tại thôn S, xã L, huyện M nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Phạm Hồng D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn chị Lê Thị Phương C và bị đơn anh Phạm Hồng D, các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Chị Lê Thị Phương C và anh Phạm Hồng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, năm 2000. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh D, chị C là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị C với anh D: Theo chị C trình bày thì anh Phạm Hồng D thường xuyên uống rượu và đã có hành vi bạo lực gia đình với chị

Lê Thị Phương C; chị C đã bỏ nhà đi từ tháng 4/2021 đến nay, không ai quan tâm, không ai chăm sóc cho ai, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng nghiêm trọng, đời sống chung giữa chị C và anh D không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh D trình bày không đồng ý ly hôn, nhưng anh D cũng không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình. Qua xác minh, thu thập chứng cứ, chính quyền địa phương nơi anh D cư trú cho biết, anh D thường xuyên say xỉn và đánh chị C. Do đó, đề nghị của chị C xin ly hôn anh D là có căn cứ được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Hai vợ chồng có ba con chung là Phạm Thị Hồng L, sinh ngày 10/12/2003, Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/8/2007 và Phạm Lê Hồng H, sinh ngày 01/9/2010. Chị C có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh Phạm Hồng D cũng đồng ý giao các con chung là Phạm Thị Hồng L, sinh ngày 10/12/2003, Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/8/2007 và Phạm Lê Hồng H, sinh ngày 01/9/2010 cho chị Lê Thị Phương C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Thị Phương C tạm thời không yêu cầu anh Phạm Hồng D cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị C, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với trình bày của anh D tại biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2021, yêu cầu chị C giao lại giấy tờ nhà, đất và sổ tiết kiệm cho anh D quản lý. Tòa án thông báo và yêu cầu anh D bổ sung, cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ và yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể những vấn đề gì đối với yêu cầu trên nhưng anh D không bổ sung, cung cấp tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Phương C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chị Lê Thị Phương C được ly hôn với anh Phạm Hồng D.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là Phạm Thị Hồng L, sinh ngày 10/12/2003, Phạm Thị Quỳnh N, sinh ngày 06/8/2007 và Phạm Lê Hồng H, sinh ngày 01/9/2010 cho chị Lê Thị Phương C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lê Thị Phương C tạm thời không yêu cầu anh Phạm Hồng D cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Hồng D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Phương C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) vào tiền tạm ứng án phí mà chị Lê Thị Phương C đã nộp theo biên lai số AA/2010/09795 ngày 22/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Minh Long;
- Chi Cục THADS huyện Minh Long;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Rô